

Bản án số: 08/2020/HSST
Ngày: 18-02-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Tùng

Ông Hà Bá Khiên.

Thư ký phiên toà: Bà Khả Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/HSST ngày 22/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Vi Văn S, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1968 tại huyện M, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn S (đã chết), và bà Phạm Thị B (đã chết); bị cáo có vợ là Vi Thị H, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: 03 tiền án. Ngày 24/02/1994 bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 03/HSST (chưa chấp hành xong về bồi thường thiệt hại). Ngày 14/9/2000 bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 12/HSST (chưa chấp hành xong về án phí và bồi thường thiệt hại). Ngày 16/9/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 16/HSST (chưa chấp hành xong về bồi thường thiệt hại). Cả 03 bản án đều chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1993 đã bị xử lý hành chính về hành vi gây mất trật tự; năm 2000 có hai lần bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/11/2019, tại ngoại từ ngày 07/11/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Ông Hà Công Kh, sinh năm 1961; nơi cư trú: Xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Vi Thị Th, sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm L, xã M,

huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ ngày 25/10/2006 sau khi ăn cơm trưa ở nhà ông Vì Văn K, sinh năm 1961, trú tại xóm L, xã M, trên đường về Vì Văn S đi vào nhà ông Hà Công Kh chơi nhưng không có ai ở nhà, nhìn thấy thùng gỗ dưới gầm nhà sàn ông Kh có để 03 bao thóc nên S nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát xung quanh không có ai, S đã lén lút lấy trộm 01 bao thóc có trọng lượng khoảng 40 kg của nhà ông Kh rồi vác bao tải thóc ra hướng Quốc lộ 15 để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi vừa ra đến cổng nhà ông Kh thì gặp bà Vì Thị Th, bà Th có hỏi S là “đi xát thóc à”, S trả lời là “ừ” rồi tiếp tục vác bao tải thóc ra hướng Quốc lộ 15. Khi ra đến khu vực nhà ông Vì Văn T sinh năm 1967, trú tại xóm L, xã M thấy tổ công tác của Công an xã M, sợ bị phát hiện nên S đã đem giấu bao tải thóc để trước hiên nhà của ông Tuấn. Ngay lúc đó, S đã bị lực lượng Công an xã bắt giữ và báo cho Công an huyện Mai Châu đến giải quyết. Trong lúc Công an huyện Mai Châu đang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vì Văn S, lợi dụng sơ hở Vì Văn S đã bỏ chạy lên núi phía sau nhà ông Vì Văn T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày S quay về nhờ anh Vì Văn L, sinh năm 1983, trú tại xóm L, xã M đem dao lên chân núi phá khóa còng tay cho S, đến ngày 26/10/2006 Vì Văn S trốn vào sinh sống tại huyện I, tỉnh Kon Tum. Đến ngày 04/11/2019 Vì Văn S đến Công an huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xin đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 27/10/2006 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mai Châu kết luận: Trị giá tài sản bị xâm hại là 40 kg thóc có trị giá 120.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 10/CT - VKS - HS ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu truy tố bị cáo Vì Văn S về tội Trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

Về tội danh, hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo Vì Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vì Văn S từ 06 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành án, được trừ 03 ngày tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo không có tài sản gì có giá trị, không có khả năng thi hành, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại: Ngày 25/10/2006 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Châu đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là ông Hà Công Kh. Ông Kh đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì, nên không đề nghị giải quyết về vật chứng và bồi thường thiệt hại.

Về các vấn đề khác:

Đối với Vì Văn L là người được lấy dao phá khóa còng tay cho bị cáo khi bị cáo bỏ trốn, mặc dù L biết rõ hành vi phạm tội của Vì Văn S nhưng L đã che giấu, hành vi đó của Vì Văn L phải bị xử lý theo pháp luật hình sự, tuy nhiên do Vì Văn L đã chết từ năm 2007 nên không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đã nhận được các văn bản tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo đã được phổ biến quyền và nghĩa vụ, không bị ép cung, mớm cung, bị cáo đồng ý với nội dung Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử không thắc mắc gì, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo không thuê Luật sư hoặc nhờ trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho mình. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo cần tiền để chi tiêu cho bản thân. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, do lo sợ nên đã bỏ trốn và bị truy nã. Bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú và đã thành khẩn khai báo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

- Ý kiến của bị hại ông Hà Công Kh: Ngày 25/10/2006 ông bị mất 01 bao tải thóc nếp nặng 40 kg. Trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan Công an đã trả lại tài sản cho ông, ông đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Ý kiến của người làm chứng: Bà Vì Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Ngày 25/10/2006 bà nhìn thấy Vì Văn S vác 01 bao tải thóc từ dưới gầm sàn nhà ông Kh đi ra hướng quốc lộ 15, bà hỏi bị cáo là “đi xát thóc à”, bị cáo trả lời là “ừ” và tiếp tục vác bao thóc đi. Sau đó bà sang báo với ông Kiên về việc thấy Vì Văn S vác bao thóc đi. Đến nay không có ý kiến bổ sung, thay đổi lời khai gửi cho Tòa án và giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã trình bày toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ ngày 25/10/2006, bị cáo đã trộm cắp tài sản là 01 bao thóc nếp nặng 40 kg, trị giá 120.000 đồng của ông Hà Công Kh. Trị giá tài sản bị cáo trộm cắp dưới 500.000 đồng, nhưng tại thời điểm phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 16/HSST ngày 16/9/2004 của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình mà còn vi phạm và theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến ... hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” nên hành vi của bị cáo theo quy định của khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại thời điểm có hành vi vi phạm pháp luật và thời điểm giải quyết vụ án đều cấu thành tội trộm cắp tài sản. Theo nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 16/HSST

ngày 16/9/2004 của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, Vì Văn S trộm cắp tài sản có giá trị dưới 500.000 đồng, S bị xử lý hình sự do đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 12/HSST ngày 14/9/2000 chưa được xóa án. Vì vậy, lần phạm tội ngày 25/10/2006 S tiếp tục trộm cắp tài sản giá trị dưới 500.000 đồng nên không bị coi là “Tái phạm nguy hiểm” mà là tình tiết định tội do đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự 2015, Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có lợi hơn cho bị cáo S với Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999, nên cần áp dụng Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 khi xét xử đối với bị cáo và các quy định khác không gây bất lợi cho bị cáo nên áp dụng thống nhất các quy định liên quan của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo Vì Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Chứng cứ xác định không có tội: Không có.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do cần tiền chi tiêu phục vụ cho lối sống của mình nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo đã từng bị kết án nhiều lần về tội xâm phạm sở hữu nhưng không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm mà ngược lại bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an của địa phương, nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng do tiền án năm 1994 đã bị coi là tái phạm tại bản án số 12 ngày 14/9/2000. Các tiền án khác đã là yếu tố định tội nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng, tình tiết định khung nữa. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ tính chất mức độ, nguyên nhân, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo nêu trên, xét cần xử phạt tù có thời hạn với mức án nghiêm khắc, nhưng phù hợp đối với bị cáo, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về tội danh, điều luật áp dụng, ngoài điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự về tình tiết tăng nặng tái phạm mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và Tòa án đã nhận định nêu trên, các điều luật áp dụng khác, về hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã có ý kiến đề nghị nêu trên. Xét thấy có căn cứ phù hợp quy định pháp luật cần xử lý, giải quyết theo hướng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo Vì Văn S phải nộp án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Vì Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vì Văn S 08 (tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành án, được trừ 03 ngày tạm giữ.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Vì Văn S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- Cơ quan THAHS;
- Cơ quan điều tra;
- THA hình sự;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã M;
- Những người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thanh Tùng